

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YD
TỈNH BG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **113/2023/HS-ST**

Ngày 18 -12- 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NTTT

Các hội thẩm nhân dân: Ông LNB và ông DXT

Thư ký phiên tòa: Ông NHD - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông LVT
- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh BG và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh BG, Tòa án nhân dân huyện YD xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 104/2023/TLST-HS ngày 31/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST-HS ngày 03/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số **30/2023/QĐST-HS** ngày 16/11/2023, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 511/TB-HS ngày 30/11/2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 31/TB-HS ngày 11/12/2023, đối với bị cáo: **DVL**, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn BD, xã TP, huyện TD, tỉnh LS; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 09/12; con ông DVC, sinh năm 1970 (đã chết) và bà HTL, sinh năm 1979; vợ, con: không; tiền sự: không; tiền án: tại Bản án số 47/2021/HS-ST ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TA, tỉnh CB xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong bản án ngày 30/7/2022); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/8/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh BG. *(Có mặt)*

***Bị hại:**

- Chị TTV, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn BD, xã CL, huyện CL, tỉnh LS.
(Vắng mặt)

- Anh LVD, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn BM, xã TN, huyện LB, tỉnh LS.
(Vắng mặt)

- Anh VQV, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn BL, xã QH, huyện TK, tỉnh CB.
(Vắng mặt)

- Anh LXG, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn LN, xã GL, huyện CL, tỉnh LS.
(Vắng mặt)

- Anh MVV, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn TL, xã KX, huyện LB, tỉnh LS.
(Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh NTH, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố MD 1, TTN, huyện VY, tỉnh BG. (Vắng mặt)

- Chị LTL, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 1 MN, xã TTT, huyện HY, tỉnh TQ. (Có mặt)

- HVL, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn CM xã TP, huyện TD, tỉnh LS. (Vắng mặt)

- Anh DVN, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn C, xã NH, huyện YD, tỉnh BG. (Vắng mặt)

- Anh DVH, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn C, xã NH, huyện YD, tỉnh BG. (Vắng mặt)

- Anh DKK, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn G, xã NH, huyện YD, tỉnh BG. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: DVL thuê trọ tại tổ dân phố HM3, TTN, huyện VY, tỉnh BG. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên L nảy sinh ý định đi đến các khu nhà trọ trên địa bàn huyện YD để tìm kiếm xem nhà trọ nào có sơ hở sẽ vào trộm cắp tài sản. Từ ngày 03/7/2023 đến 05/8/2023, DVL đã 03 lần trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/7/2023, DVL điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12T1-253.04 đi từ phòng trọ của mình đến xã NH, huyện YD, tỉnh BG để tìm kiếm khu nhà trọ có sơ hở vào trộm cắp tài sản. Khoảng 11 giờ ngày 03/7/2023, tại phòng trọ số 501 tầng 5 của ông DVN, sinh năm 1956 ở thôn C, xã NH, huyện YD, tỉnh BG, DVL đã dò mã mở khóa cửa phòng trọ và có hành vi trộm cắp 1.500.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu xám của chị TTV, sinh năm 1994, ở thôn BD, xã CL, huyện CL, tỉnh LS. DVL bán chiếc điện thoại trộm cắp được cho anh NTH, sinh năm 1983 ở tổ dân phố MD1, TTN, huyện VY, tỉnh BG được 250.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 56 ngày 15/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện YD kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám trị giá 1.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản L trộm cắp của chị V là 2.700.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2023, DVL điều khiển xe mô tô 12T1-253.04 đi từ phòng trọ đến xã NH, huyện YD để tìm kiếm khu nhà trọ có sơ hở vào trộm cắp tài sản. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/7/2023, tại phòng trọ số 02 tầng 4 của ông DVH, sinh năm 1964 ở thôn C, xã NH, huyện YD, DVL đã phá khóa cửa và có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S màu

đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83 màu hồng trắng của anh LVD, sinh năm 1989 ở thôn BM, xã TN, huyện LB, tỉnh LS. DVL đem 02 chiếc điện thoại trộm cắp được bán cho anh NTH được 350.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 56 ngày 15/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện YD kết luận: Chiếc điện thoại Oppo A15S màu đen trị giá 1.200.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83 màu hồng trắng trị giá 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản L trộm cắp của anh D là 1.800.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 05/8/2023, L điều khiển xe mô tô 12T1-253.04 từ phòng trọ của mình đến xã NH, huyện YD để tìm kiếm khu nhà trọ có sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 05/8/2023, tại khu nhà trọ của anh D Khắc Khôi, sinh năm 1982 ở thôn Giá, xã NH, huyện YD, DVL đã bấm dò mã số mở khóa được cửa phòng trọ số 23 (tầng 4) và có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 Pro Max màu xám của anh VQV, sinh năm 1999, trú tại thôn BL, xã QH, huyện TK, tỉnh CB.

Tiếp theo, tại phòng trọ số 17 (tầng 4), L đã bấm dò mã số mở khóa được cửa phòng trọ và có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 7 gắn ốp lưng màu trắng-đen của anh LXG, sinh năm 1998 ở thôn Lũng Nưa, xã Gia Lộc, huyện CL, tỉnh LS.

Sau đó, tại phòng trọ số 02 (tầng 1), L đã bấm dò mã số mở khóa được cửa phòng trọ và có hành vi trộm cắp 200.000 đồng của anh MVV, sinh năm 1992, trú tại thôn TL, xã KX, huyện LB, tỉnh LS.

L bán chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 7 cho anh NTH được 350.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 56 ngày 15/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện YD kết luận: Chiếc điện thoại Xaomi Redmi note 7 màu đỏ trị giá 1.200.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại được làm bằng nhựa màu đen, mặt sau có chữ “G Tào Lao” trị giá 10.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng bên ngoài dạng điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 promax màu xám trị giá 800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản L trộm cắp của anh V, anh G và anh V là 2.210.000 đồng.

Toàn bộ số tiền do phạm tội mà có L đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 07/8/2023, anh LXG đi làm về phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã cùng anh D KK kiểm tra hình ảnh camera phát hiện 01 nam thanh niên vào trộm cắp tài sản tại phòng trọ của anh G và một số phòng trọ khác nên làm đơn trình báo Công an xã NH, huyện YD. Ngày 08/8/2023, anh LVD làm đơn trình báo cơ quan Công an. Ngày 08/8/2023 chị TTV đã làm đơn trình báo cơ quan Công an. Sau khi biết hành vi của mình bị phát hiện, ngày 07/8/2023 DVL đến Công an xã NH, huyện YD đầu thú và G nộp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 promax màu xám và 01 xe mô tô Biển kiểm soát 12T1-253.04. Cơ quan điều tra Công an huyện YD tiến hành test nhanh chất ma túy trong cơ thể L, kết quả L D tính với chất ma túy.

Ngày 08/8/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của DVL tại tổ dân phố HM3, TTN, huyện VY thu giữ 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 promax màu xám đen là điện thoại L đã trộm cắp; 01 chiếc mũ vải màu đen có chữ màu trắng; 01 chiếc mũ vải màu vàng nhạt; 01 chiếc khẩu trang y tế màu trắng; 01 chiếc quần đùi vải, màu đen viền trắng có chữ “ADIDAS”; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu đen-cam; 01 chiếc quần đùi vải màu đen trắng; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh-tím-cam; 01 chiếc quần màu đen, mặt trước chiếc quần có các vết dạng rách màu trắng; 01 chiếc áo khoác dài tay màu đen, sọc xanh-đỏ; 01 đôi tông màu xanh là trang phục L mặc đi trộm cắp tài sản.

Sau khi biết chiếc điện thoại mua của L là do L phạm tội mà có, ngày 08/8/2023, anh NTH đã G nộp cho Cơ quan điều tra công an huyện YD 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi note 7 màu đỏ, lắp ốp nhựa màu đen, mặt sau có chữ “Gia Tào Lao”. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám của chị V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83 màu hồng trắng của anh D thì anh Hữu đã bán cho người không quen biết nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD đã tiến hành trích xuất, thu giữ hình ảnh camera tại cửa hàng của anh Hữu và tại khu nhà trọ của anh Khôi lưu trữ trong 02 đĩa DVD và tiến hành cho DVL nhận dạng người trong ảnh trích xuất từ camera do ông Nghiệp, ông Hải, anh Khôi, anh Hữu cung cấp thì L xác định người trong ảnh thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, người đem điện thoại đến bán tại cửa hàng của anh Hữu chính là L.

Tại cơ quan điều tra, DVL đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 102/CT-VKSYD ngày 28/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố DVL về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến gì.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo DVL từ 12 đến 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/8/2023.

- Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-253.04 giấy đăng ký xe mang tên DVL; tịch thu tiêu huỷ: 01 chiếc

mũ vải màu đen có chữ màu trắng; 01 chiếc mũ vải màu vàng nhạt; 01 chiếc khẩu trang y tế màu trắng; 01 chiếc quần đùi vải, màu đen viền trắng có chữ “ADIDAS”; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu đen-cam; 01 chiếc quần đùi vải màu đen trắng; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh-tím-cam; 01 chiếc quần màu đen, mặt trước chiếc quần có các vết dạng rách màu trắng; 01 chiếc áo khoác dài tay màu đen, sọc xanh-đỏ; 01 đôi tông màu xanh; trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11promax màu xám đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét do bị hại không có yêu cầu.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện YD và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ và sự vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét một cách khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 03/7/2023, tại phòng trọ số 501 tầng 5 của ông DVN, sinh năm 1956 ở thôn C, xã NH, huyện YD, tỉnh BG, DVL trộm cắp 1.500.000 đồng và

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu xám trị giá 1.200.000 đồng của chị TTV. Tổng giá trị tài sản L trộm cắp của chị V là 2.700.000 đồng.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/7/2023, tại phòng trọ số 02 tầng 4 của ông DVH, sinh năm 1964 ở thôn C, xã NH, huyện YD. DVL trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S màu đen trị giá 1.200.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83 màu hồng trắng trị giá 600.000 đồng của anh LVD. Tổng giá trị tài sản L trộm cắp của anh D là 1.800.000 đồng.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 05/8/2023, tại phòng trọ số 23, số 17 đều ở tầng 4 và phòng trọ số 02 tầng 1 của anh D Khắc Khôi, sinh năm 1982 ở thôn Giá, xã NH, huyện YD, DVL trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 Pro Max màu xám trị giá 800.000 đồng của anh VQV; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 7 gắn ốp lưng màu trắng- đen trị giá 1.210.000 đồng của anh anh LXG; và 200.000 đồng của anh MVV. Tổng giá trị tài sản L trộm cắp của anh V, anh G, anh V là 2.210.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản L trộm cắp là 6.710.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD, tỉnh BG truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo tuy biết hành vi của mình vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Trong thời gian hơn 1 tháng bị cáo đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, trong đó ngày 05/8/2023 bị cáo đã mở khóa, trộm cắp liên tục tại 03 phòng trọ cùng một nhà cho thấy bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm khắc mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4.2] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 47/2021/HS-ST ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TA, tỉnh CB, chấp hành xong bản án ngày 30/7/2022. Bị cáo chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục có nhiều hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội 02 lần trở lên*” và “*tái phạm*” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn

hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo cũng đã tác động người thân khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo như trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật đồng thời răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Việc xử phạt bị cáo với mức hình phạt trong khung đề nghị như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, nghề nghiệp, thu nhập ổn định, sau khi phạm tội đã bị tạm giam, không có điều kiện để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền phạt và đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông HVL là bác ruột của bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị TTV số tiền 2.700.000 đồng; anh MVV số tiền 200.000 đồng; anh LVD số tiền 1.800.000 đồng. Đến nay, chị V, anh V, anh D không yêu cầu bị cáo về trách nhiệm dân sự. Ông HVL không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên. Anh VQV, anh LXG đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự.

[7] Về vật chứng của vụ án gồm:

[7.1] Đối với 02 đĩa DVD lưu dữ liệu camera tại nhà trọ của anh D K và cửa hàng điện thoại của anh NTH; bản ảnh do ông DVN và ông DVH cung cấp là chứng cứ nên được lưu trong hồ sơ vụ án.

[7.2] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, màu sơn xanh bạc, số máy JA39E3179945, số khung RLHJA3920PY541262, dung tích xilanh 109cm³, biển kiểm soát 12T1-253.04, giấy đăng ký xe số 000154 mang tên DVL: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bị cáo và là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.3] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11promax của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành.

[7.4] Đối với 01 (một) chiếc mũ vải, dạng mũ lưỡi trai, màu đen, trên mũ có chữ màu trắng “ESSENTIALS”; 01 (một) chiếc mũ vải, dạng mũ lưỡi trai, màu vàng nhạt, trên mũ có chữ màu trắng “LET’S ENJOY”; 01 (một) chiếc khẩu trang y tế màu trắng; 01 (một) chiếc quần đùi vải, màu đen, viền trắng có chữ “ADIDAS”; 01 (một) chiếc áo sơ mi dài tay màu đen-cam; 01 (một) chiếc quần đùi vải, màu đen-trắng; 01 (một) chiếc áo sơ mi dài tay, màu xanh-tím-cam; 01 (một) chiếc quần soóc vải, màu đen, mặt trước ống quần có các vết dạng vết rách màu trắng; 01 (một) chiếc áo khoác dài tay, màu đen, sọc xanh-đỏ; 01 (một) đôi tông màu xanh đều đã qua sử dụng: Đây là trang phục bị cáo mặc khi phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với anh NTH có hành vi mua 3 chiếc điện thoại di động do bị cáo trộm cắp nhưng anh Hữu không biết các tài sản trên là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[9] Đối với chị LTLở trọ cùng với bị cáo nhưng chị Lượng không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, bị cáo khai không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, ngày 02/10/2023, Công an huyện YD đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Ngoài ra cần áp dụng quy định Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo DVL **01** (Một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2023.

2. Vật chứng:

2.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo DVL: 01 (một) chiếc xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, biển kiểm soát 12T1-253.04, màu sơn xanh bạc, số máy JA39E3179945, số khung RLHJA3920PY541262, dung tích xilanh 109cm³ tên chủ xe DVL.

2.2. Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) chiếc mũ vải, dạng mũ lưỡi trai, màu đen, trên mũ có chữ màu trắng “ESSENTIALS”; 01 (một) chiếc mũ vải, dạng mũ lưỡi trai, màu vàng nhạt, trên mũ có chữ màu trắng “LET’S ENJOY”; 01 (một) chiếc khẩu trang y tế màu trắng; 01 (một) chiếc quần đùi vải, màu đen, viền trắng có chữ “ADIDAS”; 01 (một) chiếc áo sơ mi dài tay màu đen-cam; 01 (một) chiếc quần đùi vải, màu đen- trắng; 01 (một) chiếc áo sơ mi dài tay, màu xanh-tím-cam; 01 (một) chiếc quần soóc vải, màu đen, mặt trước ống quần có các vết dạng vết rách màu trắng; 01 (một) chiếc áo khoác dài tay, màu đen, sọc xanh-đỏ; 01 đôi tông màu xanh đều đã qua sử dụng.

2.3. Trả lại bị cáo DVL 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11promax màu xám đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Bị cáo DVL phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Công an huyện YD;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

NTTH